

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 287/2022/DS-PT

Ngày: 02 -12 - 2022

V/v: “Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Các thẩm phán:*

Bà Võ Bích Hải;

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:* Ông Lâm Thành Them
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01 và 02 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân quận E có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: A khu vực B đường C, phường D, quận E, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Út H1, sinh năm 1975; địa chỉ: A đường B, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành L2, sinh năm 1957; địa chỉ: 65 A, phường B, quận E, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1957; địa chỉ: 110/55E A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.2. Ông Huỳnh Thanh H2, sinh năm 1968; địa chỉ: 35 A, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.3. Ông Huỳnh Minh X, sinh năm 1969; địa chỉ: 85 đường A, khu dân cư B, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của Ông H2, ông X: Ông Nguyễn Thành L2, sinh năm 1957; địa chỉ: 65 A, phường B quận E, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.4. Bà Huỳnh Thị Quỳnh G, sinh năm 1972; địa chỉ: 110/55H B, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.5. Văn phòng Công chứng số 1 – Nay là Văn phòng Công chứng A; địa chỉ: 146G B, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ. Đại diện ủy quyền: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.6. Ông Bùi Thiện K, sinh năm 1977; địa chỉ: 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Út H1, Ông Bùi Thiện K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L trình bày: Lúc sinh thời, cha mẹ của nguyên đơn là cụ Huỳnh Văn U(sinh năm 1928, mất năm 2019) và cụ Nguyễn Thị M (sinh năm 1933, mất ngày 31/01/2020) có cùng tạo lập được tài sản gồm nhà và đất tại địa chỉ số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ. Nhà và đất có tổng diện tích 119.46m² (gồm 2 thửa: thửa 235 – thửa 42, tờ bản đồ số 11), trong đó đất CLN là 28.56m², đất ODT là 90.90m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chỉnh lý ngày 13/11/2006 do cụ M đứng tên. Hai cụ có 06 người con chung là: Bà Huỳnh Thị L, Bà Huỳnh Cẩm V, Ông Huỳnh Thanh H2, Ông Huỳnh Minh X, Bà Huỳnh Thị Quỳnh G, Bà Huỳnh Thị Út H1. Hai cụ không có con nuôi cũng như cha mẹ nuôi.

Vào ngày 08/7/2013, cụ M có lập di chúc tại Văn phòng công chứng số 1, thành phố Cần Thơ với nội dung di chúc là sau khi cụ M mất thì nguyên đơn (bà L) sẽ được hưởng ½ quyền sở hữu căn nhà và ½ quyền sử dụng đất nêu trên. Đối ½ quyền sở hữu căn nhà và ½ quyền sử dụng đất còn lại là của cụ U không có lập di chúc. Sau khi hai cụ qua đời, nguyên đơn có họp mặt anh chị em trong gia đình, công bố di chúc của cụ M và yêu cầu thực hiện theo di chúc thì Bà H1chống đối không chấp nhận. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Bà Huỳnh Thị Út H1 phải có trách nhiệm giao lại cho nguyên đơn phần tài sản theo di chúc ngày 08/7/2013; Phần tài sản gồm nhà và đất còn lại của cụ U, nguyên đơn yêu cầu được chia theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu được nhận toàn bộ căn nhà và đất do hai cụ để lại và nguyên đơn sẽ hoàn lại giá trị tài sản theo giá nhà nước quy định cho các người đồng thừa kế.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị L H1 trình bày:

Thông nhất về quan hệ huyết thống và nhân thân như phía nguyên đơn trình bày. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi những lý do sau: Di chúc của cụ M lập không minh bạch, lập trong lúc cụ U vẫn còn sống, và đây vẫn còn là tài sản chung của vợ chồng, chưa chia thì cụ M không đủ tư cách để định đoạt tài sản. Di chúc được lập không có ý kiến của những người con, là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hơn nữa di chúc này chưa lập thủ tục mở di chúc theo quy định.

Ngoài ra, lúc cụ hai cụ còn sống đã có chia tài sản cho các con, mỗi người một phần tài sản, bà L đã được chia 1 nhà máy ở Kiên Giang, nên giờ bà L không có quyền yêu cầu chia. Bà H1 chưa được chia bất cứ phần tài sản nào. Di chúc đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà H1 vì Bà H1 là người trực tiếp sinh sống, ở tại nhà đất này, có công nuôi dưỡng hai cụ mẹ lúc tuổi già, trong thời gian ở tại đây có sửa chữa, tôn tạo nhà đất, nên phải được tính công tôn tạo giữ gìn tài sản.

Ngày 18/8/2020 Bà H1 có đơn phản tố, yêu cầu:

- Tuyên bố di chúc lập ngày 08/7/2013 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Cần Thơ vô hiệu và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phân chia di sản chung hợp nhất của hai cụ là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ theo pháp luật, trong đó có công sức tu bổ, tôn tạo, giữ gìn làm tăng giá trị di sản của vợ chồng bị đơn là 500.000.000 đồng. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc nhận di sản bằng hiện vật. Đề nghị giá trị tài sản là 8 tỷ đồng, mỗi đồng thừa kế được nhận 1.333.333.333 đồng. Nếu không thống nhất giá thì đề nghị chia theo phần và di sản thừa kế sẽ bán đấu giá.

Bà H1 có đơn phản tố bổ sung ngày 24/11/2021, yêu cầu:

Yêu cầu được nhận khoản tiền đã bỏ ra tổ chức tang lễ cho hai cụ (chi phí mua rau, củ, quả, thịt, cá, nhang đèn, hoa quả, cơm nước, rượu bia,) tổng cộng là 160.000.000 đồng trước khi phân chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Thanh H2 trình bày ý kiến theo lời khai ngày 26/8/2020 (số chứng thực: 3920, quyền số 02-SCT/CK,ĐC ngày 26/8/2020 tại VPCC 24H):

Về hàng thừa kế thống nhất theo trình bày của nguyên đơn trình bày.

Về tài sản thừa kế: Tại thời điểm còn sống cha mẹ của ông tạo lập được một số tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại Tp Cần Thơ, Tp Sóc Trăng, Chợ Cxã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Khi các con lập gia đình cha mẹ ông đã cho các con tài sản để tạo lập cuộc sống như sau: Bà Huỳnh Thị L được cho một nhà máy xay lúa và quyền sử dụng đất khoảng 3.000m² gần Chợ Cxã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Cẩm V được cho phần đất diện tích hơn 110m² tại số 110/55E A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ.

Ông là Huỳnh Thanh Hồng được cho 164m² đất ở phường C, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Huỳnh Minh X được cho phần đất diện tích 115m², tại số 110/55D phường C, quận E, thành phố Cần Thơ.

Bà Huỳnh Thị Quỳnh G được cho phần đất diện tích 98,3m² tại số 110/55H phường C, quận E, thành phố Cần Thơ.

Bà Huỳnh Thị Út H1 là con gái út sống chung với cha mẹ từ nhỏ tới khi cha mẹ qua đời tại số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ chưa được cha mẹ cho bất kỳ tài sản nào. Bà H1 kết hôn năm 2002 cha mẹ giữ vợ chồng H1 ở chung để phụng dưỡng, chăm sóc khi tuổi già và có ý định khi cha mẹ qua đời sẽ để lại toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là căn nhà và đất ông bà đang ở mang số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ cho Bà H1 sở hữu để thờ cúng ông bà (ý nguyện này tất cả các con đều biết và thời điểm đó không ai có ý kiến phản đối). Cha mẹ ông chưa làm văn bản tặng cho hay để lại di chúc cho Bà H1 tài sản này.

Di chúc ông đơn phương lập đối với phần tài sản chung hợp nhất của vợ chồng chưa phân chia mà không có sự đồng ý của cha ông và không có sự chứng kiến của các con. Mẹ ông lập di chúc này lúc đã 81 tuổi, bệnh tật không còn sáng suốt nên dễ bị tác động từ bên ngoài.

Theo ông, việc mẹ ông đơn phương lập di chúc định đoạt ½ khối tài sản chung hợp nhất của vợ chồng chưa phân chia mà không có ý kiến của người sở hữu tài sản chung hợp nhất là cha ông là không đúng quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về hôn nhân và gia đình nên di chúc này là vô hiệu.

Về công sức phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ ông khi tuổi già, sức yếu, bệnh tật: Việc chăm sóc, thăm hỏi cha mẹ ông thì tất cả 06 người con đều có đóng góp kể ít người nhiều nhưng vất vả nặng nhọc và thường xuyên ngày đêm là công sức của vợ chồng Bà H1 vì là người sống chung với cha mẹ, nhất là quãng thời gian cha mẹ ông già yếu, ốm nặng không tự phục vụ các yêu cầu sinh hoạt.

Về công sức đóng góp tôn tạo khối di sản thừa kế cha mẹ ông để lại: Ông thừa nhận phần đất và nhà là di sản thừa kế nêu trên thường xuyên ngập nước vào mùa mưa, nhà cấp 4 lâu ngày đã xuống cấp nên vợ chồng Bà H1 đã có công tôn tạo như đổ cát, nâng cao nền, lát gạch men nhà, thay toàn bộ tole mái nhà, làm mới cổng rào bằng sắt, sửa chữa thay thế mới các thiết bị điện, nước, công trình vệ sinh,...làm tăng giá trị khối di sản thừa kế. Giá trị vật tư và nhân công vợ chồng Bà H1 bỏ ra để tôn tạo di sản này khoảng 500.000.000 đồng.

Ý kiến của ông đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên di chúc ngày 08/7/2013 vô hiệu và xác định khối di sản thừa kế là tài sản chung hợp nhất của cha mẹ ông để lại được giải quyết thừa kế theo pháp luật.

Về xác định giá trị di sản theo ông đề các đồng thừa kế thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì xác định theo đầu giá. Việc phân chia di sản thừa kế ông đề nghị trước khi phân chia phải cân trừ chi phí tôn tạo, bảo quản làm tăng giá trị di sản cho người đã bỏ ra các chi phí này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Huỳnh Cẩm V, bà Huỳnh Thị Quỳnh G trình bày:

Hoàn toàn nhất trí với kết quả Chứng thư thẩm định giá số: Vc21/03/60/BDS-CT ngày 19/3/2021 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

Hai bà xác định cha mẹ có 06 người con chung đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Đối với việc lập di chúc của mẹ bà thì các anh chị em bà không được biết, hai bà khẳng định, thời điểm lập di chúc, mẹ hai bà rất minh mẫn, và ý nguyện trong di chúc là ý nguyện của mẹ. Nay đối với ½ phần tài sản đang phát sinh thừa kế theo pháp luật, hai bà yêu cầu được chia phần của hai bà theo quy định, đồng thời nhường kỷ phần thừa kế của hai bà cho chị hai (là Bà Huỳnh Thị L).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Minh X có tự khai ngày 23/4/2021 trình bày ý kiến như sau (Số chứng thực 2478, quyển số 01-SCT/CK,ĐC ngày 23/4/2021 tại Văn phòng công chứng C):

Về hàng thừa kế thống nhất theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn có 06 người.

Về tài sản thừa kế: Tại thời điểm còn sống cha mẹ của ông tạo lập được một số tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại Tp Cần Thơ, Tp Sóc Trăng, Chợ C xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Khi các con lập gia đình cha mẹ ông đã cho các con tài sản để tạo lập cuộc sống riêng.

- Riêng Bà Huỳnh Thị Út H1 là con gái út sống chung với cha mẹ từ nhỏ tới khi cha mẹ qua đời tại số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ chưa được cha mẹ cho bất kỳ tài sản nào. Bà H1 kết hôn năm 2002 cha mẹ giữ vợ chồng H1 ở chung để phụng dưỡng, chăm sóc khi tuổi già và có ý định khi cha mẹ qua đời sẽ để lại toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là căn nhà và đất ông bà đang ở mang số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ cho Bà H1 sở hữu để thờ cúng ông bà (ý nguyện này tất cả các con đều biết và thời điểm đó không ai có ý kiến phản đối). Cha mẹ ông chưa làm văn bản tặng cho hay để lại di chúc cho Bà H1 tài sản này.

Về di chúc mẹ ông là bà Nguyễn Thị M lập và công chứng tại Phòng công chứng số 1 Tp Cần Thơ ngày 08/7/2013:

- Di chúc này mẹ ông đơn phương lập đối với phần tài sản chung hợp nhất của vợ chồng chưa phân chia mà không có sự đồng ý của cha ông và không có sự chứng kiến của các con. Mẹ ông lập di chúc này lúc đã 81 tuổi, bệnh tật không còn sáng suốt nên dễ bị tác động từ bên ngoài.

- Theo ông, việc mẹ ông đơn phương lập di chúc định đoạt $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung hợp nhất của vợ chồng chưa phân chia mà không có ý kiến của người sở hữu tài sản chung hợp nhất là cha ông là không đúng quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về hôn nhân và gia đình nên di chúc này là vô hiệu.

Ngoài ra, việc lập Di chúc của mẹ ông có dấu hiệu lừa dối: từ khoảng giữa tháng 7/2013 trở đi (tức thời điểm sau khi mẹ ông đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản mà theo mẹ ông là tài sản riêng của mẹ ông cho bà L), mẹ ông cứ luôn nói bà L còn thiếu nợ bà 500.000.000 đồng. Ông cứ nghĩ mẹ già rồi nên lần vì thực tế thu nhập của mẹ ông là khoản phụ cấp chưa tới 1.000.000 đồng/tháng ngoài ra không có thu nhập gì thêm nên không thể có số tiền lớn như thế để cho bà L mượn. Nhưng mẹ ông cứ nhiều lần đòi ông chở xuống nhà bà L để đòi tiền và ông buộc lòng chở mẹ ông xuống nhà bà L. Sau khi ở nhà bà L về ông thấy mẹ ông có một bọc lớn tiền âm phủ cứ luôn mang bên mình vì sợ mất và có gọi Ông H2 lên cho tiền mua ô tô. Cũng từ thời điểm ở nhà bà L trở về sau không thấy mẹ ông nhắc đến việc bà L nợ tiền bà nữa. Từ sự việc này ông nghĩ là bà L đã lừa dối mẹ ông là hứa cho mẹ ông 500 triệu với điều kiện mẹ ông phải lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của mẹ ông cho bà L nhưng sau khi di chúc được lập bà L tráo trở trả cho mẹ già không còn mình mẫn bằng tiền âm phủ.

Về công sức phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ ông khi tuổi già, sức yếu, bệnh tật: Việc chăm sóc, thăm hỏi cha mẹ ông thì tất cả 06 người con đều có đóng góp kể ít người nhiều nhưng vất vả nặng nhọc và thường xuyên ngày đêm là công sức của vợ chồng Bà H1 vì là người sống chung với cha mẹ, nhất là quãng thời gian cha mẹ ông già yếu, ốm nặng không tự phục vụ các yêu cầu sinh hoạt.

Về công sức đóng góp tôn tạo khối di sản thừa kế cha mẹ ông để lại: Ông thừa nhận phần đất và nhà là di sản thừa kế nêu trên thường xuyên ngập nước vào mùa mưa, nhà cấp 4 lâu ngày đã xuống cấp nên vợ chồng Bà H1 đã có công tôn tạo như đổ cát, nâng cao nền, lát gạch men nhà, thay toàn bộ tole mái nhà, làm mới cổng rào bằng sắt, sửa chữa thay thế mới các thiết bị điện, nước, công trình vệ sinh,...làm tăng giá trị khối di sản thừa kế. Giá trị vật tư và nhân công vợ chồng Bà H1 bỏ ra để tôn tạo di sản này khoảng 500.000.000 đồng.

Ý kiến của ông đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên di chúc ngày 08/7/2013 vô hiệu và xác định khối di sản thừa kế là tài sản chung hợp nhất của cha mẹ ông để lại được giải quyết thừa kế theo pháp luật. Người thừa kế gồm 06 người con ruột, ông bà nội, ông bà ngoại đã qua đời từ lâu trước khi cha mẹ ông mất, cha mẹ ông không có con nuôi.

Về xác định giá trị di sản thừa kế ông đồng ý với kết quả Chứng thư thẩm định giá số: Vc21/03/60/BDS-CT ngày 19/3/2021 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

Việc phân chia di sản thừa kế, ông đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết quyền lợi chính đáng của Ông Bùi Thiện K là người đã bỏ công sức, chi phí tu bổ, tôn tạo, bảo quản làm tăng giá trị di sản thừa kế trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng Công chứng A có đại diện theo ủy quyền là Ông Bùi Văn Đ vắng mặt nhưng có tự khai trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 08/7/2013 Phòng công chứng số 1 thành phố Cần Thơ có tiếp nhận yêu cầu công chứng di chúc của cụ Nguyễn Thị M. Sau khi tiếp nhận hồ sơ Công chứng viên của Phòng công chứng số 1 đã tiến hành kiểm tra hồ sơ, nhận thấy đã đầy đủ và hợp pháp nên Công chứng viên thụ lý hồ sơ và tiến hành công chứng di chúc nêu trên: số công chứng 91, quyền số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Tại thời điểm công chứng cụ M có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, có Giấy chứng nhận Tâm thần kinh số 947/2013 CN-BVTT ngày 05/7/2013 của Bệnh viện tâm thần thành phố Cần Thơ.

Nay do điều kiện công việc nên đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Bùi Thiện K trình bày (có đơn yêu cầu độc lập ngày 25/4/2021):

Ông hoàn toàn thống nhất với yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Huỳnh Thị Út H1 và lời trình bày của Ông Huỳnh Thanh H2.

Ông là người trực tiếp sinh sống tại căn nhà 110/55B A gần 20 năm. Ông đã nhiều lần cải tạo, sửa chữa căn nhà này để không bị xuống cấp và nâng giá trị căn nhà lên. Do đó, ông có quyền lợi trong căn nhà này khoảng 500 triệu đồng – là chi phí sửa chữa nâng cấp căn nhà. Ông và vợ chưa có chỗ ở khác nên theo quy định của pháp luật ông và vợ được ưu tiên mua lại căn nhà này. Ngoài ra ông yêu cầu triệu tập những người hàng xóm để lấy lời khai tại phiên tòa nhằm thể hiện tính khách quan về những gì vợ chồng ông đã đóng góp công sức trong căn nhà này.

Ngày 24/11/2021 Ông K có đơn yêu cầu độc lập bổ sung: Ông yêu cầu tính công sức thường xuyên của cá nhân ông trong việc duy tu, bảo dưỡng và giữ gìn tài sản trong suốt thời gian ông và Bà H1 kết hôn từ năm 2002 cho đến nay, số tiền là 200.000.000 đồng.

Do các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân quận E đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L về việc:

- Công nhận di chúc ngày 08/7/2013, số công chứng 91, quyền số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1 – nay là Văn phòng công chứng A của nguyên đơn là hợp pháp. Công nhận $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất có tổng diện tích $119.46m^2$ (gồm 2 thửa: thửa 235 và 42, tờ bản đồ số 11), trong đó đất CLN là $28.56m^2$ – theo kết quả thẩm định còn lại là $25m^2$, đất ODT là $90.90m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E,

TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chính lý ngày 13/11/2006 cho bà Nguyễn Thị M đứng tên là di sản thừa kế theo di chúc do bà Nguyễn Thị M để lại cho Bà Huỳnh Thị L.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất có tổng diện tích 119.46m² (gồm 2 thửa: thửa 235 và 42, tờ bản đồ số 11), trong đó đất CLN là 28.56m² – theo kết quả thẩm định còn lại là 25m², đất ODT là 90.90m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chính lý ngày 13/11/2006 cho bà Nguyễn Thị M đứng tên. Giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản để chia thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 21/03/60/BDS-CT ngày 19/3/2021 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam là 1.772.359.500 đồng. Nguyên đơn bà L được nhận toàn bộ tài sản thừa kế và có nghĩa vụ thanh toán lại cho bị đơn Bà Huỳnh Thị Út H1 tổng cộng 886.179.600 đồng (*bao gồm cả kỷ phần của Ông H2, ông X nhường quyền*). Bà H1, Ông K và các con đã di dời tài sản cá nhân ra khỏi nhà 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ nên không đặt ra xem xét thời gian lưu cư. Bà H1 có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chính lý ngày 13/11/2006 cho bà Nguyễn Thị M đứng tên cho Bà Huỳnh Thị L khi bà L hoàn thành xong nghĩa vụ thanh toán số tiền 886.179.600 đồng cho bị đơn bà H1.

- Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên với bị đơn bà H1, bà L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên đối với phần nhà đất nêu trên qua tên riêng của Bà Huỳnh Thị L.

2. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của Bà Huỳnh Thị Út H1 về việc:

- Tuyên bố di chúc lập ngày 08/7/2013 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Cần Thơ vô hiệu và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Phân chia di sản chung hợp nhất của vợ chồng ông Huỳnh Văn U, bà Nguyễn Thị M là QSDĐQSH nhà ở tại số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ theo pháp luật, trong đó có công sức tu bổ, tôn tạo, giữ gìn làm tăng giá trị di sản của vợ chồng bị đơn là 500.000.000 đồng;

- Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc nhận di sản bằng hiện vật;

- Yêu cầu được nhận khoản tiền đã bỏ ra tổ chức tang lễ cho cha mẹ là ông Huỳnh Văn U và bà Nguyễn Thị M là 160.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Thiện K về việc:

- Yêu cầu tính công sức thường xuyên của cá nhân trong việc duy tu, bảo dưỡng và giữ gìn tài sản trong suốt thời gian từ năm 2002 cho đến nay, số tiền là 200.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của Ông Bùi Thiện K về việc yêu cầu được cản trừ chi phí đã bỏ ra là 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận quận E đã tuyên xử Bà Huỳnh Thị Út H1, ông Nguyễn Thiện K2 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn xin rút lại 02 yêu cầu kháng cáo là: Rút lại chi phí tổ chức đám tang là 160.000.000 đồng;. rút lại yêu cầu mua lại tài sản thừa kế do bị đơn không đủ tiền mua. Đồng thời phía bị đơn yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu vì căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì cụ M chỉ được 50% tài sản nhưng đứng tên toàn bộ tài sản trong khi cụ U còn sống. Về hình thức và nội dung của di chúc không đảm bảo tính khách quan trung thực. Cụ M lớn tuổi nhưng không biết ai đã dẫn cụ đi làm di chúc trên. Cụ không còn minh mẫn, tỉnh táo để ký tên vào di chúc. Bị đơn có công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ trong hơn 20 năm qua. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và công nhận định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá và Đào tạo E (gọi tắt là Công ty E) vì đúng giá thực tế. Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư dịch vụ thẩm định giá F(gọi tắt là công ty F) định giá không minh bạch, không phù hợp với giá thị trường. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm tính không đúng.

Phía Ông K cũng xin rút lại hai yêu cầu như phía bị đơn. Đồng thời, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Yêu cầu nguyên đơn phải trả chi phí làm công rào, sân nhà... là 50.000.000 đồng. Đồng thời cũng xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm tính sai.

Phía đại diện ủy quyền cho nguyên đơn Ông Lâm Thanh T trình bày: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở vì: Di chúc cụ M lập là hợp pháp đúng theo quy định pháp luật. Di chúc trên thể hiện di nguyện của cụ M trước khi mất. Di chúc có công chứng, chứng thực. Bị đơn yêu cầu hủy di chúc là không có cơ sở với lý do ai là người đưa cụ M đi lập di chúc vì đây không phải là lý do chính đáng để hủy di chúc. Đối với chứng thư thẩm định giá của Công ty E là không phù hợp với giá thị trường. Nguyên đơn thống nhất với chứng thư thẩm định giá của công ty F vì phù hợp với giá thị trường. Phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phân chia theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố cần Thơ phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo, nhận thấy: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần kháng cáo liên quan đến yêu cầu hưởng di sản bằng hiện vật, hưởng chi phí mai táng khoảng 160.000.000 đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Riêng đối với yêu cầu xem xét công sức của bị đơn trong việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nhận thấy, yêu cầu này được đại diện theo ủy quyền của bị

đơn nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm, nằm ngoài nội dung đơn kháng cáo và đơn phản tố, chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét vì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

- Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn liên quan đến yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, nhận thấy: Các đương sự thừa nhận di sản là tài sản chung của cụ U và cụ M. Căn cứ Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung”. Theo quy định này, cụ U và cụ M mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ di sản.

Ngày 08/7/2013, cụ M lập di chúc để định đoạt di sản, di chúc được Phòng công chứng số 1 công chứng ngày 08/7/2013. Xét nội dung di chúc có đoạn: “...tôi có tài sản là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu căn nhà và $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất tọa lạc tại số 110/55B, đường A...sau khi tôi qua đời thì $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng của tôi đối với tài sản nêu trên sẽ giao lại cho con gái của tôi là Huỳnh Thị L1 có lai lịch ghi trên thừa hưởng và được quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật...”

Xét thấy, cụ M đã lập di chúc, chỉ định nguyên đơn là người được hưởng di sản sau khi cụ qua đời. Thời điểm lập di chúc, cụ M có giấy chứng nhận của Bệnh viện tâm thần thành phố Cần Thơ, chẩn đoán “*hiện không rối loạn tâm thần*”, nội dung và hình thức di chúc đúng theo quy định tại các Điều 653, 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005, việc công chứng di chúc phù hợp với quy định tại các Điều 37, 39, 41 Luật Công chứng năm 2006, nên căn cứ các Điều 652, 667 Bộ luật Dân sự năm 2005, di chúc do cụ M lập được xem là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm cụ M chết (năm 2020). Do đó, bị đơn yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu là chưa có cơ sở chấp nhận.

- Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn liên quan đến yêu cầu thẩm định giá lại tài sản theo giá thị trường, nhận thấy:

Do các đương sự không thống nhất về giá trị di sản nên Tòa án đã trưng cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá F tiến hành định giá tài sản, theo chứng thư thẩm định giá số V272BĐS/2022/CT.ĐA ngày 21/10/2022 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá F thể hiện kết quả định giá là 3.797.164.000 đồng. Vì vậy, cần xác định giá trị di sản là 3.797.164.000 đồng làm căn cứ phân chia cho các đồng thừa kế.

Nguyên đơn được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản theo di chúc, 01 kỷ phần của cụ U, cụ M và 02 kỷ phần của bà V, Bà G nên tổng giá trị di sản nguyên đơn được hưởng thừa kế là 2.847.872.999 đồng. Bị đơn được hưởng 01 kỷ phần của cụ U, cụ M và 02 kỷ phần của ông X, Ông H2 nên tổng giá trị di sản bị đơn được hưởng thừa kế là 949.290.999 đồng.

- Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn liên quan đến án phí, nhận thấy:

Theo hướng dẫn số 89 ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp người yêu cầu được hưởng công sức gìn giữ tôn tạo quyền sử dụng đất là người thuộc diện thừa kế theo pháp luật, nếu yêu cầu không được chấp nhận, Tòa án bác yêu cầu hưởng phần công sức gìn giữ tôn tạo quyền sử dụng đất cùng với việc được chia di sản thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu hưởng công sức. Bị đơn thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ U, cụ M và có yêu cầu được hưởng chi phí tôn tạo, sửa chữa, tu bổ di sản, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu nhưng buộc bị đơn phải chịu 24.000.000 đồng án phí là chưa phù hợp, nên kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với nội dung kháng của của bị đơn, Ông K (chồng bị đơn) liên quan đến chi phí tôn tạo, sửa chữa nhà, nhận thấy:

Tại phiên tòa, Ông K yêu cầu số tiền 50.000.000 đồng và được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân quận E, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn liên quan đến án phí, giá trị di sản phân chia thừa kế và công sức tôn tạo, gìn giữ tài sản, không chấp nhận các nội dung kháng cáo còn lại của bị đơn; chấp nhận kháng cáo của Ông K liên quan đến công sức tôn tạo, gìn giữ tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ vụ kiện: “ Tranh chấp thừa kế tài sản ”. Căn cứ khoản 5, Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận E, thành phố Cần Thơ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ về mặt thời gian. Việc ủy quyền hợp lệ, đúng quy định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Về hàng thừa kế: Cụ U chết năm 2019 nên hàng thừa kế cụ U gồm 07 người: Cụ M, bà L, bà V, Ông H2, ông X, Bà G và bà H1.

Năm 2020 cụ M chết thì hàng thừa kế gồm 06 người: Bà L, bà V, Ông H2, ông X, Bà G và bà H1.

Về di sản thừa kế: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định di sản do cụ U và cụ M để lại là nhà và đất tại địa chỉ số 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ thuộc thửa đất số 235 với 28,56m² đất CLN – qua kết quả đo đạc còn lại là 25m² và thửa 42 với 90,90m² đất ODT, tờ bản đồ số 11 theo

GCNQSDĐ số AĐ 639447 (vào sổ cấp GCN QSDĐ số: H00383.QSDĐ) do UBND quận E cấp ngày 29/6/2006, chỉnh lý biến động ngày 13/11/2006 do cụ Nguyễn Thị M đứng tên.

Nguyên đơn bà L yêu cầu Tòa án công nhận di chúc trên là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Phía bị đơn Bà H1 yêu cầu tuyên bố di chúc là vô hiệu và hủy di chúc trên.

Qua xem xét Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Di chúc ngày 08/7/2013, số công chúc 91, quyển số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1 – nay là Văn phòng công chứng A; Giấy chứng nhận số 947/2013 CN-BVTT ngày 05/7/2013 của Bệnh viện tâm thần thành phố Cần Thơ.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc cụ M lập di chúc trong tình trạng tinh thần còn minh mẫn, sáng suốt. Di chúc được lập trên tinh thần tự nguyện trước sự chứng kiến của Công chứng viên nên xác định ý chí của bà Mười khi lập di chúc không bị ai lừa dối, đe dọa hay ép buộc. Chính cụ M có ký tên vào bản di chúc. Tài sản theo di chúc do cụ M để lại phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cụ M được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản chung nên cụ M được toàn quyền định đoạt tài sản của mình. Di chúc trên đúng theo quy định tại các Điều 631, 632, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 657, 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 609, 610, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 636 Bộ luật Dân sự 2015. Tính đến thời điểm này, thì không có bản di chúc nào khác nên bản di chúc này là duy nhất, hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm nhận định là có cơ sở nên giữ nguyên di chúc trên.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với tài sản thừa kế Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ U chết năm 2019 không để lại di chúc nên phát sinh thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ U gồm 07 người là cụ M và 06 người con vừa nêu trên nên $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ U còn lại sẽ được chia làm 7 phần, mỗi người thừa kế được hưởng 01 kỷ phần ngang bằng nhau. Năm 2020 cụ M chết nên kỷ phần thừa kế của cụ M được nhận từ cụ U sẽ phát sinh thừa kế - do phần này cụ M không có di chúc nên được chia là 06 phần (06 người con). Như vậy, nếu đem chia di sản thừa kế bằng hiện vật sẽ không thi hành án được vì diện tích đất không đủ để tách thừa phân chia.

Qua xem xét thì bị đơn không còn ở địa chỉ trên. Bị đơn có nơi ở mới. Bà L được hưởng phần lớn di sản nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà L phần tài sản và bà L thỏa thuận cho các đồng thừa kế là phù hợp.

Về giá trị tài sản: Theo chứng thư thẩm định giá ngày 21/10/2022 của Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ thẩm định giá F thì toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất có giá là: 3.797.164.000 đồng. So sánh với hai chứng thư thẩm định trước đây thì chứng thư này sát với giá thị trường vì có thu thập một số tài sản đã chuyển nhượng gần khu vực đất tranh chấp, chứng thư này

không lệch giá nhiều so với chứng thư trước đây được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng thư sau cùng để phân chia cho các đồng thừa kế. Cụ thể như sau:

$3.797.164.000 \text{ đồng} : 2 = 1.898.582.000 \text{ đồng}$ (Đây là phần của cụ M di chúc lại cho bà L)

Phần còn lại chia làm 06 phần: $1.898.582.000 \text{ đồng} : 06 = 316.430.333 \text{ đồng}$.

Do phần của bà V, Bà G tặng cho bà L và phần của bà L. Nên bà L được hưởng là: $949.291.000 + 1.898.582.000 = 2.847.873.000 \text{ đồng}$.

Kiểm phần của Bà H1 được hưởng là: $316.430.333 \text{ đồng} \times 3 = 949.291.000 \text{ đồng}$ (Gồm phần của bà H1, Ông H2, ông X).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn rút lại yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đề nghị thôi lại công sức tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, giữ gìn làm tăng giá trị di sản của vợ chồng bị đơn là 500.000.000 đồng đây là sự tự nguyện của bị đơn và nguyên đơn đồng ý nên đình chỉ yêu cầu này.

Đối với khoản tiền phản tố của bị đơn về việc đề nghị được nhận khoản tiền đã bỏ ra tổ chức tang lễ cho cha mẹ là (chi phí mua rau, củ, quả, thịt, cá, nhang đèn, hoa quả, cơm nước, rượu bia,) tổng cộng là 160.000.000 đồng trước khi phân chia di sản thừa kế: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng rút yêu cầu này nguyên đơn đồng ý nên đình chỉ yêu cầu này.

Phía bị đơn yêu cầu xem xét công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ: Qua xem xét thì yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu ở phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và giải quyết.

[3] Xét yêu độc lập của Ông Bùi Thiện K về việc:

[3.1] Yêu cầu được chia một phần bất động sản đang tranh chấp ngang bằng với các đồng thừa kế khác hoặc cản trở chi phí đã bỏ ra là 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm Ông K xin rút lại yêu cầu này vì trùng với yêu cầu phản tố của bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3.2] Yêu cầu tính công sức thường xuyên của cá nhân ông trong việc duy tu, bảo dưỡng và giữ gìn tài sản trong suốt thời gian ông và Bà H1 kết hôn từ năm 2002 cho đến nay, số tiền là 200.000.000 đồng trước khi phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Ông K yêu cầu nguyên đơn trả chi phí tôn tạo sửa chữa công rào, sân nhà là 50.000.000 đồng phía nguyên đơn đồng ý phần tiền này nên Hội đồng xét xử công nhận.

Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên, do việc định giá lại tài sản có sự chênh lệch về giá và các đương sự có một phần tự thỏa thuận được với nhau về công sức bảo quản, gìn giữ và tôn tạo nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đây không phải là lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

[4] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Do có sự thay đổi về số tiền được chia di sản thừa kế nên tiền án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn được xem xét lại như sau:

Bị đơn nhận 03 kỉ phần di sản thừa kế tương đương với số tiền 949.291.000 đồng nên án phí phải chịu là: 40.478.000 đồng.

Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Các bên đương sự được nhận lại dự phí vụ kiện .

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với Ông Bùi Thiện K là 50.000.000 đồng phần này không phải chịu án phí.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định và định tài sản:

[5.1] Chi phí tố tụng ở cấp sơ thẩm:

Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản theo giá nhà nước là 5.000.000 đồng nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L phải nộp, bà L đã nộp xong.

Chi phí định giá theo giá thị trường là 4.000.000 đồng, bị đơn Bà H1 chịu, Bà H1 đã nộp xong.

[5.2] Chi phí giám định và thẩm định giá ở cấp phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Út H1 đã tạm ứng chi phí giám định và định giá tài sản trả cho Công TNHH thẩm định giá và đào tạo E số tiền 7.000.000 đồng Bà H1 phải chịu đã chi xong.

Đại diện nguyên đơn Ông Lâm Thanh T đã tạm ứng chi phí giám định và định giá tài sản trả cho Công ty TNHH đầu tư dịch vụ thẩm định giá F số tiền 18.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu đã chi xong.

[6] Án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ông K, Bà H1 được nhận lại dự phí vụ kiện.

[7] Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 259, khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 609, Điều 610, Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 659, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Thị Út H1 và người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Thiện K.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L về việc:

Công nhận di chúc ngày 08/7/2013, số công chức 91, quyển số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 1 – nay là Văn phòng công chứng A của nguyên đơn là hợp pháp. Công nhận $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất có tổng diện tích $119.46m^2$ (gồm 2 thửa: thửa 235 và 42, tờ bản đồ số 11), trong đó đất CLN là $28.56m^2$ – theo kết quả thẩm định còn lại là $25m^2$, đất ODT là $90.90m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chỉnh lý ngày 13/11/2006 cho cụ Nguyễn Thị M đứng tên là di sản thừa kế theo di chúc do cụ Nguyễn Thị M để lại cho Bà Huỳnh Thị L.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với $\frac{1}{2}$ tài sản là nhà đất có tổng diện tích $119.46m^2$ (gồm 2 thửa: thửa 235 và 42, tờ bản đồ số 11), trong đó đất CLN là $28.56m^2$ – theo kết quả thẩm định còn lại là $25m^2$, đất ODT là $90.90m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chỉnh lý ngày 13/11/2006 cho cụ Nguyễn Thị M đứng tên. Giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản để chia thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư dịch vụ thẩm định giá F là: 3.797.164.000 đồng. Bà L được hưởng 2.847.873.000 đồng. Kỉ phần của Bà H1 được hưởng là: 949.291.000 đồng.

Nguyên đơn bà L được nhận toàn bộ tài sản thừa kế và có nghĩa vụ thanh toán lại cho bị đơn Bà Huỳnh Thị Út H1 tổng cộng 949.291.000 đồng (bao gồm cả kỷ phần của Ông H2, ông X nhường quyền).

Bà H1, Ông K và các con đã di dời tài sản cá nhân ra khỏi nhà 110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ nên không đặt ra xem xét thời gian lưu cư.

Bà H1 có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND quận E, TP Cần Thơ cấp ngày 29/6/2006 chỉnh lý ngày 13/11/2006 cho cụ Nguyễn Thị M đứng tên cho Bà Huỳnh Thị L khi bà L hoàn thành xong nghĩa vụ thanh toán số tiền 949.291.000 đồng cho bị đơn bà H1.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên với bị đơn bà H1, bà L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên đối với phần nhà đất nêu trên qua tên riêng của Bà Huỳnh Thị L.

2.2 Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của Bà Huỳnh Thị Út H1 về việc:

Tuyên bố di chúc lập ngày 08/7/2013 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Cần Thơ vô hiệu và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Đình chỉ yêu cầu phân chia di sản chung hợp nhất của vợ chồng cụ Huỳnh Văn Út, cụ Nguyễn Thị M là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số

110/55B A, phường C, quận E, thành phố Cần Thơ theo pháp luật, trong đó có công sức tu bổ, tôn tạo, giữ gìn làm tăng giá trị di sản của vợ chồng bị đơn là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu được nhận khoản tiền đã bỏ ra tổ chức tang lễ cho cha mẹ là cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị M là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2.3 Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Thiện K về việc:

Yêu cầu tính công sức thường xuyên của cá nhân trong việc duy tu, bảo dưỡng và giữ gìn tài sản trong suốt thời gian từ năm 2002 cho đến nay, số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Công nhận một phần sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và Ông K đối với chi phí duy tu, tôn tạo tài sản là phần công rào và phần sân nhà là 50.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm giao cho Ông Bùi Thiện K số tiền là 50.000.000 đồng khi án có hiệu lực.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của Ông Bùi Thiện K về việc yêu cầu được căn trừ chi phí đã bỏ ra là 500.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị L được miễn án phí do là người cao tuổi.

Bà Huỳnh Thị Út H1 phải chịu là: 40.478.000 đồng. Khấu trừ phần tiền tạm ứng án phí đã nộp của Bà H1 là 30.000.000 đồng. (theo biên lai thu số 002995 ngày 27/8/2020 là 26.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001430 ngày 03/12/2021. Bà H1 phải nộp tiếp số tiền 10.478.000 đồng.

Ông K được nhận lại 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 003978 ngày 06/5/2021 và 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001431 ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận E, thành phố Cần Thơ.

[4] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản:

[4.1] Chi phí tố tụng ở cấp sơ thẩm:

Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản theo giá nhà nước là 5.000.000 đồng nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L phải nộp, bà L đã nộp xong.

Chi phí định giá theo giá thị trường là 4.000.000 đồng, bị đơn Bà H1 chịu, Bà H1 đã nộp xong.

[4.2] Chi phí giám định và thẩm định giá ở cấp phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Út H1 đã tạm ứng chi phí giám định và định giá tài sản trả cho Công TNHH thẩm định giá và đào tạo Esố tiền 7.000.000 đồng Bà H1 phải chịu đã chi xong.

Đại diện nguyên đơn Ông Lâm Thanh T đã tạm ứng chi phí giám định và định giá tài sản trả cho Công ty TNHH đầu tư dịch vụ thẩm định giá F số tiền 18.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ ;
- TAND quận E;
- Chi cục THADS quận E;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải